

## THANH CẢNH QUÁN ÂM

**Thanh Cảnh Quán Âm** có tên Phạn là Nīlakaṇṭha trong đó **Nīla** là màu xanh, **Kaṇṭha** là cái cổ. Như vậy **Nīlakaṇṭha** có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là: Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cản Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cản Trì... Hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nīlakaṇṭhi, Nalakiddhi ...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác ... gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh và sau này cái cổ màu xanh được biểu thị cho nghĩa **Phiền Não tức Bồ Đề**. Do đây mới có tên là **Thanh Cảnh**.

Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về Śiva Thượng Đế. Tương truyền khi các Thiên Thần quấy động biển sữa tìm cầu **Cam Lộ** (Amṛta) thời Śiva (Thấp Bà Thần) phát hiện trong biển có cái bình độc, do sợ cái bình độc này sẽ gây hại chúng sinh nên Śiva đã phát Tâm Đại Bi tự mình nuốt hết cái bình độc và bị chất độc hại phát tác cho nên cổ gáy biến thành màu xanh. Từ truyền thống này mà **Thanh Cảnh Quán Âm** có hình tượng tương tự với Śiva.



Theo truyền thống Hoa Văn thì Tôn này còn được xưng là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát**, là một Hoá Thân của Quán Âm Bồ Tát, thuộc vị Quán Âm thứ 14 trong 33 Thể Quán Âm. Hoặc là vị Minh Vương (Vidya-rāja) do Quán Âm Bồ Tát hoá hiện ra. Nếu có chúng sinh niệm vị Quán Âm này ắt xa lìa sợ hãi, ách nạn, được giải thoát các khổ.

Căn cứ vào **Ca Lô La Vĩ Sa Pháp** thì **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo **Thai Tạng Giới Man Đa La của A Xà Lê** thì **Thanh Cảnh Quán Âm** (Lộc Bi Y Hình: Hình mặc áo da hươu) có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho **Công Đức nội chứng** của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Mật Giáo Trung Hoa ghi nhận rằng: do Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Lokesvara-rāja-tathāgata) tu hành pháp yếu **Liên Hoa Đạt Ma** (Padma-dharma: Liên Hoa Pháp) nên Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) có biệt hiệu là **Thanh Cảnh**.

❖ **HÌNH TƯỢNG:**

có 3 loại Tôn Tượng là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

\_ Phật Giáo Ấn Độ ghi nhận Thanh Cảnh là một trong 108 vị Quán Âm với danh xưng là **Thanh Cảnh Thế Tự Tại** (Nīlakaṇṭha-Lokeśvara)



\_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**): Tôn thứ 14 trong 33 Thế Quán Âm, tương đương với hóa thân Phật Đà của Bồ Tát Quán Âm



\_ **Quyển Sách Kinh 9** ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải giương lòng bàn tay, ngồi kiết già.



**Khẩu Quyết** ghi là: như Thánh Quán Âm chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm).

**Thanh Cảnh Đại Bi Niệm Tụng Nghi Quỹ** ghi: Tượng ấy có 3 mặt, bốn cánh tay cầm 4 loại vật là: cây gậy, hoa sen, bánh xe, vỏ ốc (loa). Thân màu trắng hồng, cổ màu xanh biểu thị cho nghĩa **Phiên Nã tức Bồ Đề**.



**Thanh Cảnh Nghi Quỹ** ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mào báu, trong mào có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùm da cạp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùm con rắn đen làm Thân tuyền. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyên tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thân tuyền từ bắp tay trái rũ xuống.



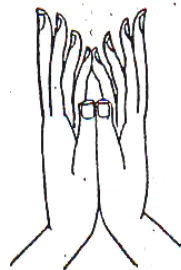
- \* Tôn này có chủng tử là HRĪḤ (ॐ) hay SA (ॐ) hoặc SAḤ (ॐ)
- \* Tam muội gia hình là *Hoa sen xanh mới nở* hoặc *vật báu có hình bánh xe*.

❖ **ÁN QUYẾT:**

**1) Bát Diệp Liên Hoa Án:**

Đây là Án thông dụng của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ. Bên trên hoa sen 8 cánh thù diệu, quán tưởng viên ngọc báu, biểu thị cho hình Tam Ma Gia của Bản Tôn là dùng Pháp Đại Bi thanh tịnh giúp cho chúng Hữu Tình tự trực ngộ Giác Tính Tối Thượng vốn có trong Tâm mình. Vì kết Hiền Án nên gọi là Tối Mật Án

Chấp 2 tay lại giữa trống không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Án xong. Quán tưởng trên Án có viên ngọc Như Ý.



Chân Ngôn là:

ॐ मणि पद्मे हूँ ॐ

OM MANI PADME HŪM HRĪḤ

Nếu chỉ kết Án mà không quán viên ngọc Như Ý thì có thể dùng mọi Chân Ngôn của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ.

## 2) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm Tùy Tâm Ấn

Ấn này tức là Diệu Hương Ấn và có tên là **Đại Bi Bạt Khổ Ấn**.

Hai tay cài chéo các ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyển (Nội Phộc Quyển). Duỗi 2 ngón trở sao cho đầu ngón hợp lại như cánh sen, kèm song song 2 ngón cái duỗi thẳng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र धर्म ह्रीं

OM \_ VAJRA-DHARMA HRĪH

Nếu kết Ấn, tụng Chân Ngôn này thì hay trừ tất cả tai họa , bệnh tật. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc. Ngoài ra mọi mong ước của Thế Gian hay Đại Nguyện Xuất Thế Gian đều thành tựu

## 3) Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn

Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn

Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyển (Ngoại Phộc Quyển) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trở.



Chân Ngôn dùng **Đại Bi Tâm Đà La Ni**

## 4) Bồ Đà Lạc Sơn Ấn

Do núi **Bồ Đà Lạc** (Potala) có 9 ngọn và núi này biểu thị cho trú xứ của Thiên Thủ Quán Âm, tức gọi là Thiên Thủ Thiên Nhân Căn Bản Ấn. Theo Kinh Quỹ thì Ấn Tướng có 2 dạng là :

a **Đại Tạng Kinh Đồ Tượng 8, phần Ấn Đồ** có vẽ tay Ấn Bồ Đà Lạc Sơn là:

Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng, duỗi bung các ngón: út, vô danh, trở, cái thành 8 ngọn và hơi hướng 2 lòng bàn tay về phía trước.

Câu xưng tán là “ **Nam mô Bồ Đà Lạc Sơn Quán Âm Bảo Tháp**”

b\_ Trong Quỹ ghi:

Căn Bản Ấn là 2 tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jalim) hơi cong ngón tay lia tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhân Nguyên (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) liền thành



**Kim Cương Đỉnh Giáng Tam Thế Đại Nghi Quỹ Pháp Giáo Trung Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Chân Ngôn Nhất Thiết Như Lai Đại Mạn Trà La Phẩm** có ghi

Chấp 2 tay lại, 2 ngón vô danh 2 ngón trở giao nhau, 2 ngón cái 2 ngón út đều mở thẳng, 2 ngón giữa hợp nhau. Đây là **Căn Bản Ấn**



**Bất Không Quyển Sách 8** ghi là:

Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trở, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn, Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đây là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là **Cửu Phong Mật Ấn**

**Khẩu** ghi:

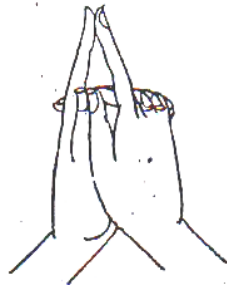
Ấn này: 2 ngón út, 2 ngón trở là ngàn ánh sáng (Thiên Quang) như Bảo Tràng Phật Ấn phóng ra ngàn ánh sáng. 2 ngón giữa là Hoa Sen chưa nở, trong hoa quán chữ Hrit (ॐ) tức là hoa sen của Bản Giác. 2 ngón vô danh, 2 ngón trở cài nhau biểu thị cho nghĩa **Cột Buộc** tức là Yết Ma (Karma:Nghiệp Dụng). Như vậy Ấn này thành cảnh nhỏ, biểu thị cho Sự Nghiệp

Chân Ngôn của Căn Bản Ấn là **Đại Bi Tâm Đà La Ni**.

**5) Bí Mật Ấn:**

2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trở chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phượng. Ấn này có tên là Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn





Chân Ngôn là:

ॐ पद्मे नीलाकण्ठे ज्वाला भ्रु भ्रु हुम्

OM\_ PADME NĪLAKANṬHA JVALA BHRŪ BHRŪ HŪM

[Bản khác ghi là:

ॐ पद्मे नीलाकण्ठेश्वर भ्रु भ्रु हुम्

OM\_ PADME NĪLAKANṬHĒŚVARA BHRU BHRU HŪM].

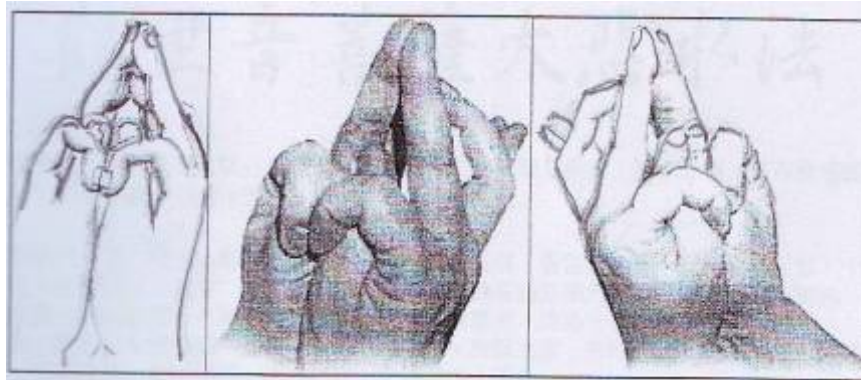
#### 6) Thanh Cảnh Bồ Tát Ân:

Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Đút ngón cái trái vào lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen, duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (bên phải đè bên trái) cùng cài chặc nhau

Chân Ngôn là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Đà La Ni**

#### 7) Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Ân:

Chắp 2 tay lại giữa rỗng, co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (đây là Loa Pháp) dựng hợp 2 ngón giữa (đây là Hoa Sen) dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (đây là bánh xe Luân Pháp) dựng hợp 2 ngón út (đây là Cây Gậy \_ Trượng Pháp) Nơi một Ân đủ 4 Ân : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng.



Chân Ngôn là **Đại Bi Tâm Chú**

### 8) Thanh Cảnh Tâm Ấn:

Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phượng.



Chân Ngôn là:

ॐ लोकेज्ज्वालारंजी

OM\_ LOKE-JVALA-RĀJA HRĪḤ

[Bản khác ghi là:

ॐ लोकेश्वारंजी

OM\_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ ]

Thanh Cảnh Quán Tự Tại Pháp là **Pháp cầu thỉnh** Thanh Cảnh Quán Âm.

Dùng Tôn này làm Bản Tôn để cầu nguyện trừ bệnh, diệt tội, kéo dài mạng sống (diên mệnh)...làm Bí Pháp để tu thì xưng là **Thanh Cảnh Quán Âm Pháp**.

\_Lược Bản **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**, lại gọi là **Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Mahā-kāraṇika-citta-dhārāṇī) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva). Bài Chú này có các tên gọi là: Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni... và thường gọi tắt là **Chú Đại Bi**

\_Theo Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad\_Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là :

- 1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
- 2) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
- 3) Cứu Khổ Đà La Ni
- 4) Diên Thọ Đà La Ni
- 5) Diệt Ác Thú Đà La Ni
- 6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
- 7) Mãn Nguyện Đà La Ni
- 8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
- 9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Người muốn tu trì Chú Đại Bi này, trước tiên phải phát khởi Tâm cảm ơn sự trong sạch của nguồn Pháp, quy mệnh Bản Tôn **Đại Bi Thanh Cảnh Quán Âm** cùng với Thần Chú này. Tiếp theo khẩn cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ chúng ta đến được cảnh giới viên mãn thanh tịnh, đập nát tất cả chướng ác. Ngoài ra chúng ta cần phải nhớ trì mười loại tướng mạo Đà La Ni này, nhằm tăng cường thêm cho uy lực của Chú Đại Bi.

**1\_ Tâm Đại Từ Bi:** Đại Từ (Mahā-maitri) là giúp cho chúng sinh vui vẻ, Đại Bi (Mahā-kāraṇa) là nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, cần phải đầy đủ Tâm Đại Từ Bi



này mới gọi là **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**. Tâm Đại Từ Bi là từ trong Thể Tính của Pháp Giới sinh ra, là lực lượng được sinh ra trực tiếp từ trong Tâm Bồ Đề

**2\_ Tâm Bình Đẳng:** Là biết tất cả Pháp Giới đều bình đẳng. Chư Phật, chúng sinh chẳng có sai khác, ta và Chư Phật ngang bằng không hai. Ta trì tụng Chú này tức là chư Phật cũng trì tụng Chú này, mà trong Tâm không có bất cứ ngã mạn nào, toàn bộ là ở sức Pháp Giới trì tụng Chú này, phân biệt căn bản không có ta cũng không có Chư Phật. Ta trì tụng Chú này cũng dường tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng phải nhận cúng dường của Đức Phật Đà. Tất cả bình đẳng, không có hai.

**3\_ Tâm Vô Vi:** Vô Vi là không chấp trước, không tác ý, tự nhiên mà khởi, không cần theo thứ tự mà tiến lên, buột miệng nói ra; tự nhiên sinh khởi, Tâm không có chướng ngại, bấy giờ tức là **Vô Trụ Sinh Tâm**, Tâm Quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng thể đắc. Vô Vi không chế tác, tự nhiên buột miệng mà niệm.

**4\_ Tâm không có nhiễm dính** (Vô nhiễm trước): Không chấp dính cảnh giới của Chú Đại Bi, không chấp dính cảnh giới của chư Phật, không chấp dính cảnh giới của chúng sinh, không chấp dính hết thảy cảnh giới của Thần Thông, cũng không chấp dính vào công dụng của Chú Đại Bi, tất cả đều là **Như Huyền** của Hiện Quán.

**5\_ Tâm Không Quán:** Không Quán đó là như huyền. Quán sát sự trống rỗng của Tính Duyên Khởi, Như Huyền của Hiện Quán, đồng dạng cũng không có bất cứ sự nhiễm dính, ngay cả Chú Đại Bi cũng là trống rỗng (Śūnya: Không). Nhân vào Duyên của **trống rỗng** (Không) cho nên hay sinh khởi Chú Đại Bi.

**6\_ Tâm Cung Kính:** Cho dù chúng ta biết rõ là trống rỗng, cho dù là như huyền, cho dù là không nhiễm dính, nhưng đối với Chú Đại Bi vẫn có Tâm cung kính vô thượng, đối với Quán Thế Âm Bồ Tát có Tâm cung kính vô thượng, đối với chư Phật có Tâm cung kính vô thượng.

**7\_ Tâm Thấp Kém:** Cho dù biết các Pháp bình đẳng không hai, nhưng không tự mãn, không tự cho là đủ, cúng dường Chú này. Nói chung giống như trái đất, cúng dường tất cả, Tâm không dâng lên cao.

**8\_ Tâm không có Tạp Nhiễm:** Tâm không có tạp nhiễm là Định, buột miệng nói ra, an trụ vào trong Chú Đại Bi, Tâm không hỗn loạn bất cứ cái gì, an trụ ở cảnh giới **Đẳng Trì** (Samādhi) của Định Tuệ, là Tâm không có tạp nhiễm.

**9\_ Tâm không có Kiến Thủ:** Kiến Thủ là ở trong pháp **Ngũ Uẩn** quên loại bỏ ngã chấp, loại bỏ sự dính mắc các Pháp. Tâm không có Kiến Thủ là tương ứng với Tâm **Không Quán**, Tâm không có Kiến Thủ là **Không Quán**, đó là khởi **Hiện Không**, không có chấp dính, niệm niệm chẳng thể đắc. Là pháp môn Vô Niệm, là pháp môn Bát Nhã, là Nhất Hạnh Tam Muội. Đi, đứng, ngồi, nằm trong Nhất Hạnh đều ở trì tụng Chú Đại Bi mà không có chấp dính; tuy độ tất cả chúng sinh mà quả thực không một chúng sinh nào được độ.

**10\_ Tâm Vô Thượng Bồ Đề:** Cần phải phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và mười phương chư Phật đồng một Từ Lực, cùng với chúng sinh đồng một Bi Ngưỡng, đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ tất cả chúng sinh.

Nếu hay như Pháp tụng trì Chú này, không những chỉ thông đạt Phật Pháp mà tất cả học vấn thế gian cũng đều hiểu biết hết, các loại Kinh Điển, Pháp Thuật cũng hay thông đạt, hay xua đuổi tất cả bệnh tật, cũng hay chế phục tất cả Thiên Ma và Quỷ Thần.... khiến cho không thể gây chướng ngại.

Ngoài ra bài Chú này còn hiển bày các thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm giúp cho tất cả chúng sinh mau chóng **dứt khổ trừ mê** qua Pháp **Đại Bi Tâm Đà La Ni Xuất Tướng**: